

Số: 29/2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về quỹ tín dụng nhân dân**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;  
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;  
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 17 tháng 6 năm 2023;  
Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  
Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;  
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số nội dung về quản trị, điều hành, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Quỹ tín dụng nhân dân.
- Ngân hàng hợp tác xã.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản trị, điều hành, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Thành viên quỹ tín dụng nhân dân là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này và tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân.
- Vốn góp xác lập tư cách thành viên là số vốn góp tối thiểu để xác lập

tư cách thành viên khi tham gia quỹ tín dụng nhân dân.

3. Vốn góp bổ sung là vốn góp thêm của thành viên, ngoài vốn góp xác lập tư cách thành viên, để quỹ tín dụng nhân dân thực hiện hoạt động kinh doanh.

#### **Điều 4. Thời hạn hoạt động**

Thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động (sau đây gọi là Giấy phép) tối đa là 50 năm.

#### **Điều 5. Tính chất và mục tiêu hoạt động**

Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và cải thiện đời sống.

#### **Điều 6. Tên của quỹ tín dụng nhân dân**

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân phải được viết bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Quỹ tín dụng nhân dân;
- b) Tên riêng phải được đặt phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tên quỹ tín dụng nhân dân phải được gắn tại trụ sở chính, các đơn vị phụ thuộc của quỹ tín dụng nhân dân. Tên của quỹ tín dụng nhân dân phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ, tài liệu do quỹ tín dụng nhân dân phát hành.

#### **Điều 7. Địa bàn hoạt động**

1. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã). Quỹ tín dụng nhân dân không được mở rộng địa bàn hoạt động sang xã khác ngoài xã đặt trụ sở chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân được hoạt động tại địa bàn xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do chia, tách địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ, trình tự đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân đối với nội dung địa bàn hoạt động thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp

thuận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1** **THÀNH VIÊN**

#### **Điều 8. Điều kiện để trở thành thành viên**

##### **1. Đối với cá nhân:**

a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp đăng ký tạm trú, cá nhân phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc là người lao động làm việc trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải có tài liệu chứng minh về vấn đề này;

b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

c) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích.

##### **2. Đối với hộ gia đình:**

a) Là hộ gia đình có các thành viên thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình;

b) Các thành viên của hộ gia đình phải cử một thành viên của hộ gia đình làm người đại diện để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên quỹ tín dụng nhân dân. Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

##### **3. Đối với pháp nhân:**

a) Là pháp nhân (trừ Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện) đang hoạt động hợp pháp và có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Người đại diện của pháp nhân tham gia thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc cá nhân được người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền tham gia.

4. Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân phải có đơn tự nguyện tham gia thành viên quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này, tán thành Điều lệ và góp đủ vốn góp theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

5. Mỗi đối tượng quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này chỉ được tham gia là thành viên của 01 (một) quỹ tín dụng nhân dân.

6. Hội đồng quản trị quyết định việc kết nạp thành viên và tổng hợp danh sách kết nạp trong kỳ báo cáo tại cuộc họp Đại hội thành viên gần nhất.

7. Quỹ tín dụng nhân dân phải quy định trong Điều lệ về điều kiện, thủ tục kết nạp thành viên.

#### **Điều 9. Chấm dứt tư cách thành viên**

1. Thành viên quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt tư cách thành viên khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp đương nhiên mất tư cách:

(i) Thành viên là cá nhân bị chết, mất tích;

(ii) Thành viên là pháp nhân chấm dứt tư cách pháp nhân;

(iii) Thành viên không còn đáp ứng điều kiện để trở thành thành viên theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm c(i) khoản này;

(iv) Thành viên đã chuyển nhượng hết vốn góp cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trường hợp tự nguyện: Thành viên tự nguyện và được Hội đồng quản trị chấp thuận cho ra khỏi thành viên quỹ tín dụng nhân dân;

c) Trường hợp khai trừ: Thành viên bị Đại hội thành viên khai trừ ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân do:

(i) Không đảm bảo đủ vốn góp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

(ii) Có hành vi giả mạo, gian lận hồ sơ thành viên;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc chấm dứt tư cách thành viên và tổng hợp danh sách trong kỳ báo cáo tại cuộc họp Đại hội thành viên gần nhất.

3. Việc xử lý vốn góp của thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii) khoản 1 Điều này:

(i) Được chuyển nhượng vốn góp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này hoặc được hoàn trả vốn góp theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

(ii) Thành viên là cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; quyền, nghĩa vụ của thành viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;

(iii) Thành viên là pháp nhân chấm dứt tư cách pháp nhân: thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức lại, giải thể, phá sản;

b) Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Thành viên được chuyển nhượng vốn góp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này hoặc được hoàn trả vốn góp theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

c) Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Thành viên không được chuyển nhượng vốn góp. Việc hoàn trả vốn góp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

4. Thành viên chấm dứt tư cách thành viên được hưởng phúc lợi (nếu có) theo quyết định của Đại hội thành viên sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

#### **Điều 10. Góp vốn của thành viên**

1. Vốn góp của thành viên bao gồm vốn góp xác lập tư cách thành viên và vốn góp bổ sung:

a) Mức vốn góp xác lập tư cách thành viên tối thiểu là 300.000 đồng và được quy định tại Điều lệ;

b) Mức vốn góp bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

2. Tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên quỹ tín dụng nhân dân không được vượt quá 10% vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ.

3. Đại hội thành viên quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên, mức vốn góp bổ sung, phương thức nộp, tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Việc ghi nhận vốn góp của thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này vào vốn điều lệ được thực hiện như sau:

a) Vốn góp xác lập tư cách thành viên được ghi nhận vào vốn điều lệ sau khi Hội đồng quản trị quyết định kết nạp thành viên mới;

b) Vốn góp bổ sung được ghi nhận vào vốn điều lệ sau khi các thành viên đã hoàn thành việc góp vốn.

5. Căn cứ số vốn thực góp của thành viên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện:

a) Phát hành Thẻ thành viên theo mẫu do ngân hàng hợp tác xã hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Sổ vốn góp theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này cho thành viên mới sau khi được Hội đồng quản trị quyết định kết nạp thành viên;

b) Thực hiện cập nhật thay đổi mức vốn góp vào Sổ góp vốn cho thành viên sau khi thành viên hoàn thành góp vốn bổ sung.

6. Quỹ tín dụng nhân dân phải mở sổ theo dõi việc góp vốn; chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp và hoàn trả vốn góp của thành viên.

#### **Điều 11. Chia lãi cho thành viên**

Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân được chia lãi căn cứ theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên tại quỹ tín dụng nhân dân và do Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Chuyển nhượng, hoàn trả vốn góp**

1. Thành viên được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn góp của mình cho thành viên khác. Việc chuyển nhượng vốn góp của thành viên phải được Hội đồng quản trị thông qua và đảm bảo các quy định sau:

a) Mức vốn góp còn lại (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần vốn góp) đáp ứng quy định về mức vốn góp của thành viên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp chỉ được thực hiện sau khi thành viên đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay và nghĩa vụ tài chính khác đối với quỹ tín dụng nhân dân theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân;

c) Thành viên nhận chuyển nhượng vốn góp phải đáp ứng quy định về tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân hoàn trả phần vốn góp cho thành viên khi chấm

dứt tư cách thành viên hoặc hoàn trả phần vốn góp vượt quá tổng mức vốn góp tối đa của thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Việc hoàn trả vốn góp cho thành viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với thành viên: Thành viên đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của mình đối với quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm:

(i) Các khoản nợ (cả gốc và lãi) của thành viên;

(ii) Các khoản tổn thất mà thành viên chịu trách nhiệm bồi thường;

(iii) Các khoản lỗ trong kinh doanh, các khoản rủi ro trong hoạt động tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp mà thành viên cùng chịu trách nhiệm theo quyết định của Đại hội thành viên;

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:

(i) Không làm giảm giá trị thực của vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thấp hơn mức vốn pháp định;

(ii) Không vi phạm các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ nhận tiền gửi từ thành viên, mua, đầu tư vào tài sản cố định của quỹ tín dụng nhân dân trước và sau khi hoàn trả vốn góp cho thành viên;

(iii) Số vốn góp hoàn trả cho thành viên trong trường hợp hoàn trả toàn bộ vốn góp được xác định theo công thức sau:

$$A = B - C$$

Trong đó: A: Số vốn góp hoàn trả cho thành viên.

B: Tổng số vốn xác lập tư cách thành viên và vốn góp bổ sung đã góp theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

C: Các nghĩa vụ tài chính của thành viên phải thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Việc hoàn trả vốn góp khi thành viên chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này phải được Đại hội thành viên thông qua.

Việc hoàn trả vốn góp khi thành viên chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm a(i), điểm a(ii), điểm a(iii) và điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này do Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo Đại hội thành viên tại cuộc họp Đại hội thành viên gần nhất.

5. Hằng tháng, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo, quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) về việc chuyển nhượng phần vốn góp đối với thành viên có tỷ lệ vốn góp từ 5% đến 10% mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

### **Điều 13. Thay đổi mức vốn điều lệ**

1. Hội đồng quản trị quyết định việc tăng, giảm mức vốn điều lệ và báo cáo Đại hội thành viên tại cuộc họp Đại hội thành viên gần nhất trong các trường hợp sau đây:

a) Tiếp nhận vốn góp của thành viên do kết nạp thành viên hoặc thành viên góp vốn bổ sung;

b) Hoàn trả vốn góp cho thành viên chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm a(i), điểm a(ii), điểm a(iii) và điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Đại hội thành viên quyết định việc tăng, giảm mức vốn điều lệ trong trường hợp sau:

a) Sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, các quỹ khác theo quy định pháp luật và nguồn vốn hợp pháp khác để bổ sung vốn điều lệ;

b) Hoàn trả vốn góp cho thành viên chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

3. Hằng tháng, chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo, quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về số thành viên được kết nạp mới, số thành viên cho ra khỏi thành viên, tổng số vốn góp đã góp của thành viên, tổng số vốn góp đã hoàn trả trong tháng để thực hiện công tác quản lý, giám sát.

4. Trình tự, hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân đối với mức vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.



**Mục 2****ĐẠI HỘI THÀNH VIÊN****Điều 14. Triệu tập Đại hội thành viên**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội thành viên có thể tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên (gọi chung là Đại hội thành viên). Đại hội toàn thể thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên có nhiệm vụ và quyền hạn như nhau.

3. Số lượng đại biểu tham dự Đại hội đại biểu thành viên do Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân quy định nhưng không ít hơn 100 đại biểu.

4. Tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, bầu đại biểu tham dự Đại hội đại biểu thành viên do Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân quy định. Việc bầu đại biểu thành viên tham dự Đại hội thành viên phải dựa trên nguyên tắc dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên. Đại biểu thành viên được bầu không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Đại biểu tham dự đại hội đại biểu phải thể hiện được ý kiến, nguyện vọng và có trách nhiệm thông tin về kết quả đại hội cho tất cả thành viên mà mình đại diện.

5. Đại hội thành viên bất thường được triệu tập trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị triệu tập để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền;

b) Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

c) Hội đồng quản trị triệu tập theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị sau 02 lần triệu tập liên tiếp;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

Quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về lý do, nội dung, thời gian, hình thức tổ chức Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn tối thiểu 10 ngày trước ngày dự kiến tổ chức.

6. Việc triệu tập Đại hội thành viên bất thường đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên của quỹ tín dụng nhân dân hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

b) Trường hợp quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên của quỹ tín dụng nhân dân hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường hoặc quá 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên thường niên thì Ban kiểm soát có quyền triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ban kiểm soát có quyền triệu tập mà không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại điểm b khoản này thì thành viên đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có quyền triệu tập Đại hội thành viên. Việc cử thành viên đại diện phải được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký của tất cả thành viên đề nghị triệu tập Đại hội thành viên.

7. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 6 Điều này thì Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội thành viên theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

8. Đại hội thành viên do người triệu tập chủ trì, trừ trường hợp Đại hội thành viên quyết định bầu thành viên khác chủ trì.

9. Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất 75% tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên được triệu tập tham dự nhưng không ít hơn 100 đại biểu (đối với Đại hội đại biểu); trường hợp không đủ số lượng thành viên thì phải hoãn tổ chức Đại hội thành viên.

Trường hợp Đại hội thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức lần thứ nhất. Trong trường hợp này, trước khi tiến hành, người triệu tập có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo nguyên nhân không thể tổ chức

Đại hội thành viên lần thứ nhất và dự kiến thời gian tổ chức Đại hội thành viên lần thứ hai. Đại hội thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 50% tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên được triệu tập tham dự.

Trường hợp Đại hội thành viên lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tổ chức lần thứ hai. Trong trường hợp này, trước khi tiến hành, người triệu tập có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo nguyên nhân không thể tổ chức Đại hội thành viên lần thứ hai và dự kiến thời gian tổ chức Đại hội thành viên lần thứ ba. Đại hội thành viên lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên tham dự hoặc đại biểu thành viên tham dự.

10. Cuộc họp Đại hội thành viên có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến. Việc lựa chọn hình thức tổ chức họp Đại hội thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

11. Cuộc họp Đại hội thành viên phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên nếu có yêu cầu. Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biên bản họp có hiệu lực nếu được trên 50% thành viên tham dự đồng ý thông qua nội dung biên bản; biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối thông qua nội dung biên bản. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của biên bản họp.

### **Điều 15. Chuẩn bị Đại hội thành viên**

1. Người triệu tập Đại hội thành viên phải lập danh sách thành viên, đại biểu có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và dự thảo nghị quyết; thông báo triệu tập gửi đến từng thành viên ít nhất 07 ngày trước ngày Đại hội thành viên thường niên khai mạc hoặc 05 ngày trước ngày Đại hội thành viên bất thường khai mạc. Nội dung thông báo triệu tập phải xác định rõ thời gian, địa điểm, hình thức và chương trình họp. Thông báo triệu tập được gửi bằng bản giấy, bản điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân quy định.

2. Nội dung chương trình đại hội có thể thay đổi khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên kiến nghị bằng văn bản điều chỉnh về cùng một nội dung. Kiến nghị phải ghi rõ tên thành viên và nội dung kiến nghị.

Nội dung kiến nghị phải gửi cho người triệu tập Đại hội thành viên ít nhất 03 ngày trước ngày tổ chức Đại hội thành viên.

Đối với Đại hội thành viên bất thường, trường hợp có kiến nghị về nội dung, người triệu tập sẽ xem xét bổ sung vào chương trình Đại hội thành viên bất thường hoặc đưa vào chương trình Đại hội thành viên bất thường tiếp theo.

3. Người triệu tập Đại hội thành viên chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn;
- b) Nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội thành viên;
- c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

4. Trường hợp từ chối kiến nghị, người triệu tập phải báo cáo Đại hội thành viên trước khi biểu quyết thông qua chương trình Đại hội thành viên.

#### **Điều 16. Tham dự và biểu quyết trong Đại hội thành viên**

1. Thành viên, đại biểu được xác định là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Tham dự và biểu quyết bằng hình thức trực tuyến.

2. Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân;
- b) Thông qua việc đầu tư, mua, bán tài sản cố định của quỹ tín dụng nhân dân mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của quỹ tín dụng nhân dân được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán hoặc tỷ lệ thấp hơn theo quy định của Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của quỹ tín dụng nhân dân;
- d) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể tự nguyện.

3. Các nội dung không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự.

4. Mỗi thành viên tham dự đại hội toàn thể có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào phần vốn góp hay chức vụ của thành viên.

Mỗi đại biểu tham dự đại hội đại biểu có số phiếu biểu quyết bằng số lượng thành viên đã bầu đại biểu đó tham dự đại hội đại biểu.

5. Phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu tại Đại hội thành viên phải được lưu trữ.

### Mục 3

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Điều 17. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

**Điều 18. Họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ theo quy định của Điều lệ và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhưng ít nhất 01 tháng một lần.

2. Hội đồng quản trị họp bất thường khi có yêu cầu của một trong các chủ thể sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Giám đốc;
- c) Trưởng Ban kiểm soát;
- d) Ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua;

b) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị theo định kỳ nhưng không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định cuộc họp lần đầu. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị lần thứ hai mà vẫn không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội thành viên bất thường để xem xét tư cách của thành viên Hội đồng quản trị không tham dự hai cuộc họp trước và đề xuất biện pháp xử lý;

d) Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên nếu có yêu cầu. Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi vào biên bản họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biên bản họp có hiệu lực nếu được trên 50% thành viên tham dự đồng ý ký; biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của biên bản họp.

4. Trường hợp nội dung do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội thành viên, Điều lệ gây thiệt hại cho quỹ tín dụng nhân dân thì các thành viên tán thành nội dung đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại cho quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật; thành viên phản đối được miễn trừ trách nhiệm và có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nội dung này.

**Điều 19. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:
  - (i) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân;
  - (ii) Thường trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;
  - (iii) Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác;
  - (iv) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng;
  - (v) Có đạo đức nghề nghiệp;
  - (vi) Có ít nhất 01 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 02 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 03 năm làm việc

trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(vii) Có trình độ trung cấp về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân theo Chương trình đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước hoặc có trình độ cao đẳng về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có trình độ từ đại học trở lên;

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), điểm a(ii), điểm a(iii), điểm a(iv) và điểm a(v) khoản này;

(ii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có trình độ cao đẳng về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có trình độ từ đại học trở lên;

c) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 500 tỷ đồng trở lên:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), điểm a(ii), điểm a(iii), điểm a(iv) và điểm a(v) khoản này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có trình độ từ đại học trở lên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:

(i) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), điểm a(iii), điểm a(iv) và điểm a(v) khoản 1 Điều này;

(iii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc

trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có trình độ cao đẳng về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có trình độ từ đại học trở lên;

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i) và điểm a(ii) khoản này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 500 tỷ đồng trở lên:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i) và điểm a(ii) khoản này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có trình độ từ đại học trở lên.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã để chỉ định nhân sự giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân theo các quy định sau:

a) Các trường hợp chỉ định:

(i) Quỹ tín dụng nhân dân không bầu được Chủ tịch Hội đồng quản trị sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Các tổ chức tín dụng;

(ii) Quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;

(iii) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi quỹ tín dụng nhân dân có nguy cơ gây mất an toàn trong hoạt động;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với nhân sự được chỉ định:

(i) Có uy tín, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;

(ii) Có bằng đại học trở lên hoặc có bằng trung cấp trở lên đối với cán bộ cấp xã;